

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 51/2022/HSPT
Ngày 30 tháng 5 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Việt
Các thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành
Ông Nguyễn Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022 do có kháng cáo bị hại Lê Thị P1 đối với Bản án hình sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Anh Q1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/6/1994 tại: thị xã P, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + chỗ ở: Khu Ngọc Tháp, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo (giáo dân); Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Q1 Ng, sinh năm: 1962 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1962; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư; Vợ: Lê Thị P, sinh năm: 1994; Con: Có 02 con, đều sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; ngày 03/8/2021, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Hà T, thị xã P, tỉnh P. (Có mặt).

Bị hại kháng cáo: Chị Lê Thị P1, sinh năm 1994; Trú tại: Khu Ngọc Tháp, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Xuân Sang, sinh năm 1977 và Ông Hoàng Văn Chiến, sinh năm 1991 - Luật sư Văn phòng luật sư Q1 Khải và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Ông Chiến có mặt, ông Sang vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 07/6/2021, sau khi ăn cơm trưa tại nhà bố mẹ vợ ở khu Hùng Thao, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P, bị cáo Q1 về nhà của mình ở khu Ngọc Thấp, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P. Khi vào phòng riêng của vợ chồng trên tầng hai, bị cáo thấy vợ là chị Lê Thị P1 cùng 02 con đang nằm trên giường. Bị cáo đưa điện thoại di động của mình cho hai con chơi, rồi nằm xuống giường, kéo chị P1 lại để nói chuyện. Chị P1 không đồng ý, gạt tay ra, bị cáo và chị P1 lời qua tiếng lại nên xảy ra mâu thuẫn. Do bức tức, bị cáo nắm vào cổ áo chị P1, dùng tay phải đâm trúng vào vùng mặt bên trái của chị Phương, làm chảy máu, dùng chân trái đạp vào mặt nhưng vì chị P1 lấy tay che được nên bị cáo đạp trúng tay chị P1 khi chị P1 đang ôm mặt, làm cho chị P1 bị choáng. Sau khi bị bị cáo đánh, chị P1 lấy điện thoại của mình rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu Hùng Thao, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P. Chị P1 được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa thị xã P và Bệnh viện đa khoa tỉnh P cấp cứu và điều trị, đến ngày 15/6/2021 thì ra viện. Ngay sau khi xảy ra sự việc, ông Lê Văn Ng, sinh năm 1971 là bố đẻ chị P1, đến công an xã Hà T, thị xã P trình báo. Đến ngày 14/6/2021, chị P1 cũng đến công an thị xã P tố giác hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Q1.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã xác định hiện trường, ghi lời khai người bị hại, người làm chứng và tiến hành điều tra theo quy định.

Ngày 12/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã ra quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh P giám định xác định tỉ lệ phần trăm thương tích của chị Lê Thị P1. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 145/TgT/2021 ngày 15/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận:

“- Trên cơ sở của chị Lê Thị P1 có những thương tích sau: Gãy thành sau, thành trong xoang hàm trái và gãy thành sàng ổ mắt trái, can xương tốt, không di lệch.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của từng thương tích:

+ Gãy thành sau, thành trong xoang hàm trái, can xương tốt, không di lệch: 09%.

+ Gãy thành sàng ổ mắt trái, can xương tốt, không di lệch: 05%.

+ Hai mắt tật khúc xạ là bệnh lý nên Trung tâm pháp y không xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

+ Các vùng bầm tím xung quanh hốc mắt trái, sưng nề vùng đầu và sau tai trái nay đã hết trong thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế không có mục xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

Áp dụng P1 pháp cộng tại thông tư: 13,55%

Làm tròn: 14%.

- *Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Lê Thị P1 là: 14% (Mười bốn phần trăm).*

- *Cơ chế hình thành thương tích:*

+ *Gãy thành sau, thành trong xoang hàm trái, gãy thành sàng ổ mắt trái: Do tác động của vật cứng gây nên.*

+ *Các vùng bầm tím xung quanh hốc mắt trái, sưng nề vùng đầu và sau tai trái nay đã hết nên không xác định được cơ chế chấn thương.”*

Ngày 30/7/2021, chị Lê Thị P1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định của pháp luật. Ngày 03/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Anh Q1 về tội Cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 134 - Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Anh Q1 đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng tay, chân đánh gây thương tích cho chị Lê Thị P1 như trên. Về nguyên nhân, động cơ phạm tội của Nguyễn Anh Q1, quá trình điều tra đã xác định: Vợ chồng bị cáo đăng ký kết hôn ngày 22/3/2016, sau khi kết hôn được 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không tự giải quyết được. Lần gần nhất, cách ngày xảy ra sự việc khoảng 03 ngày, Q1 và chị P1 có bất đồng quan điểm về việc Q1 bảo sơn chị P1 bảo không sơn nhà đang xây dựng tại khu Hùng Thao, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P, nên hai vợ chồng không nói chuyện với nhau. Ngày 07/6/2021, khi Q1 muốn nói chuyện để làm lành thì chị P1 không đồng ý, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại. Do bức tức, không làm chủ được bản thân nên Q1 đã dùng tay, chân đánh gây thương tích cho chị P1.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị P1 khai: Khoảng 22 giờ, ngày 06/7/2021, khi ba mẹ con chị P1 cùng ông Lê Văn Ng, là bố đẻ chị P1 và anh Lê Ngọc Thành, sinh năm 1992, trú tại: khu Hùng Thao, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P là anh trai chị P1 đang ở nhà riêng tại khu Hùng Thao, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P, Nguyễn Anh Q1 cùng nhiều người khác đến nhà đánh chị P1, ông Ng và anh Th. Tuy nhiên, chị P1 không bị thương tích gì, ông Ng, anh Th không yêu cầu, đề nghị Cơ quan điều tra xử lý đối với hành vi của Q1 và những người đi cùng. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P không đề cập xử lý đối với Q1 và những người đi cùng về hành vi cố ý gây thương tích ngày 06/7/2021 như chị P1 đã trình báo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 30/12/2021, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 điều 134, điểm b, i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh Q1 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 2 điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 điều 586, điều 590, điều 592 và điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q1 có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị Lê Thị P1 tổng số tiền là 44.155.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), cụ thể gồm các khoản: Xe cấp cứu chuyên tuyến đưa đi và về: 4.000.000 đồng; Chi phí trong quá trình nhập viện và điều trị tại bệnh viện đa khoa thị xã P và bệnh viện đa khoa tỉnh P: 9.505.461 đồng; tiền mất thu nhập 14 ngày là 3.500.000 đồng; tiền công người chăm sóc người bị hại 09 ngày là 2.250.000đ; tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 14.900.000 đồng, tiền phục hồi sức khỏe, chức năng bị mất, bị giảm sút cho bị hại là 10.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Lê Thị P1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P ngày 23/11/2021, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị Lê Thị P1 số tiền 34.155.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị P1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.707.000 đồng (Một triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự, tổng là 1.907.000đ (Một triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2021, bị hại là chị Lê Thị P1 có đơn kháng cáo về hình phạt và phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng mức bồi thường dân sự và tăng hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lê Thị P1. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2021/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P về phần trách nhiệm dân sự, tăng mức bồi thường chi phí điều trị thực tế, theo hướng:

Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Q1 phải bồi thường cho chị Lê Thị P1 tổng số tiền là 48.170.000đ (gồm các khoản: Xe cấp cứu chuyển tuyến đưa đi và về 4.000.000đ; chi phí trong quá trình nhập viện và điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã P và Bệnh viện đa khoa tỉnh P 13.520.000 (tăng 4.014.539đ so với mức tuyên của bản án sơ thẩm); tiền mất thu nhập 14 ngày 3.500.000đ; tiền công người chăm sóc 09 ngày 2.250.000đ; tiền bồi thường tổn thất tinh thần 14.900.000đ; tiền phục hồi sức khỏe 10.000.000đ). Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị P1 số tiền 38.170.000đ.

Xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Anh Q1 tự nguyện bồi thường thêm cho chị Lê Thị P1 số tiền 10.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị hại trong hạn luật định được xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy có sự phù hợp giữa lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác theo các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ, ngày 07/6/2021, tại nhà của mình ở khu Ngọc Tháp, xã Hà T, thị xã P, tỉnh P, do mâu thuẫn vợ chồng trước đó nhiều lần, nhiều ngày, bị cáo Q1 đã dùng tay, chân đánh vào vùng mặt bên trái và người, gây tổn hại 14% sức khỏe cho chị Lê Thị P1.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự như Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xem xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Căn cứ vào các bệnh án mà bệnh viện đa khoa tỉnh P, và kết luận giám định số 145 ngày 15/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh P đã kết luận hai mắt tật

khúc xạ là bệnh lý nên trung tâm pháp y không xếp tỷ lệ % tổn thương cơ thể, các vùng bầm tím xung quanh hốc mắt trái, sưng nề vùng đầu và sau tai trái nay đã hết trong thông tư số 22/2019/TT – BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế không có mục xếp tỷ lệ % tổn thương cơ thể đồng thời tại phiên tòa bị cáo khai trước và sau khi bị cáo kết hôn với chị Phương, thì chị P1 đã bị cận và 2 mắt kém nên nhiều lần bị xảy ra tai nạn giao thông và cụ thể đã có lần tự chị P1 điều khiển xe máy đâm vào cột mốc và năm 2019 bị tai nạn giao thông ảnh hưởng đến mắt phải. Mặt khác trong suốt quá trình điều tra đến giai đoạn truy tố và xét xử chị P1 đã nhận và nhất trí với kết quả giám định không có ý kiến thắc mắc gì, bản thân chị P1 đã tự viết các báo cáo và lời khai của mình, luật sư bảo vệ cho bị hại cho rằng chị P1 sẽ bị di chứng về hai mắt suốt đời là không có căn cứ.

Về phần tiền bồi thường viện phí, qua xem xét hồ sơ vụ án, bệnh án và các giấy tờ tài liệu do chị P1 có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Mức chi phí điều trị mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị P1 là chưa đầy đủ so với thực tế chị P1 phải chi trả trong quá trình điều trị tại các bệnh viện. Cụ thể:

Chị P1 phải chi trả theo bảng kê chi phí điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã P là 888.794đ; tại Bệnh viện đa khoa tỉnh P là 7.295.935đ. Ngoài ra, chị P1 còn phải thanh toán thêm các khoản chi phí khác không có trong bảng kê của Bệnh viện nhưng có hóa đơn nộp tiền theo chỉ định của bác sĩ, gồm: Hóa đơn ngày 07/6/2021 (BL229) khám bệnh + chụp cắt lớp vi tính 128 dãy (khi bắt đầu nhập viện tại khoa cấp cứu) 2.320.000đ; 15/6/2021 (BL230) xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm huyết học 54.100đ; 03 hóa đơn mua thuốc các ngày 08 và 15/6/2021 (BL 241-243) 1.876.600đ. Tổng cộng: 2.320.000đ + 54.100đ + 1.876.600đ = 4.250.700đ. Tất cả những hóa đơn này đều có trong chỉ định của bác sĩ điều trị do Bệnh viện tỉnh P sao chụp có trong hồ sơ vụ án tại các BL 70, 74, 79, 80.

Trong quá trình thực hiện giám định thương tích cho chị Phương, giám định viên có chỉ định cho chị P1 đi khám cận lâm sàng ngày 12/7/2021 (thể hiện ở kết luận giám định có chỉ định khám cận lâm sàng BL 181) gồm 04 hóa đơn thanh toán (BL234-237) với tổng số tiền là 1.085.000đ. Đây là các khoản chi phí thực tế hợp lý theo chỉ định của cơ quan chuyên môn nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị P1 là phù hợp.

Trong hồ sơ thể hiện: Ngoài các chứng từ nêu trên, chị P1 còn nộp một số chứng từ hóa đơn khác (tại các BL 228, 231-233, 238). Nhưng các hóa đơn này đều đã có trong bảng kê thanh toán chi phí điều trị của Bệnh viện tỉnh P nên không được xem xét lại nữa.

Như vậy, cần buộc bị cáo Q1 phải bồi thường chi phí điều trị cho chị P1 tổng số tiền là: 888.794 + 7.295.935 + 4.250.700 + 1.085.000 = 13.520.429đ (làm tròn 13.520.000đ).

Về tiền bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian được xác định là 14 ngày đã được xem xét cả ngày điều trị và ngày nghỉ phục hồi sức khỏe đối với bị hại P1 là hợp lý. Chính quyền địa P1 xác nhận thu nhập bình quân phổ thông trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Hà T từ tháng 06/2021 đến tháng 9/2021 là 250.000 đồng/người/ngày. Vì vậy chỉ có căn cứ chấp nhận mức bồi thường thu nhập bị mất cho chị P1 là $14 \times 250.000\text{đ} = 3.500.000\text{đồng}$ như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần: Theo quy định tại Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm tối đa không quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Do vậy, cần chấp nhận bị cáo bồi thường cho chị P1 số tiền 14.900.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí thẩm mỹ khắc phục di chứng do vết thương để lại:

Tại Kết luận giám định của Trung tâm pháp y xác định: Trên cơ thể của chị Lê Thị P1 có những thương tích sau: Gãy thành sau, thành trong xoang hàm trái và gãy thành sàng ổ mắt trái, can xương tốt, không di lệch. Với kết luận này có thể thấy: Tại thời điểm giám định các thương tích của chị P1 đã được phục hồi tốt, không thấy có triệu chứng di lệch giữa các vết gãy. Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm chị P1 không cung cấp được tài liệu gì thể hiện có sự chỉ định của cơ quan chuyên môn về việc chị P1 phải thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt do hậu quả của hình vi gây thương tích của bị cáo Q1 gây nên do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét đối với nội dung này là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị P1 cung cấp 01 bản cam kết sử dụng dịch vụ phẫu thuật theo yêu cầu của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ thẩm mỹ viện quốc tế 108 chỉ có đóng dấu treo của công ty và chữ ký của chị P1 ở mục khách hàng để Hội đồng xét xử xem xét đối với nội dung kháng cáo nêu trên của chị Phương. Hội đồng xét xử xét thấy, đây chỉ là sự thỏa thuận cam kết của cá nhân chị P1 đối với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ thẩm mỹ viện quốc tế 108 về việc sử dụng dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ đối với một số hạng mục phẫu thuật thẩm mỹ trên gương mặt chị P1 chứ không phải là sự chỉ định của Cơ quan chuyên môn về việc chị P1 phải thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt do hậu quả của hình vi gây thương tích của bị cáo Q1 gây nên. Do vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Anh Q1 phải bồi thường cho chị Lê Thị P1 tổng số tiền là 48.170.000đ gồm các khoản:

- Tiền thuê xe cấp cứu chuyển tuyến đưa đi và về 4.000.000đ;
- Tiền chi phí trong quá trình nhập viện và điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã P và Bệnh viện đa khoa tỉnh P 13.520.000đ;
- Tiền mất thu nhập trong 14 ngày 3.500.000đ;
- Tiền công người chăm sóc 09 ngày 2.250.000đ;
- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần 14.900.000đ;
- Tiền phục hồi sức khỏe 10.000.000đ).

Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P ngày 23/11/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Anh Q1 tự nguyện bồi thường thêm cho chị Lê Thị P1 số tiền 10.000.000đ ngoài số tiền buộc bị cáo phải bồi thường. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo không bị ai ép buộc và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự đối với khoản tiền bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại.

[4] Xem xét kháng cáo về phần hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Như phân tích ở trên, tỷ lệ tổn thương sức khỏe của chị P1 là 14%. Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để tuyên phạt bị cáo mức án 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng là phù hợp, đúng pháp luật.

Bị hại Lê Thị P1 kháng cáo về phần hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích ở mục [3] và [4] trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lê Thị P1, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, tăng mức bồi thường chi phí điều trị thực tế cho bị hại và phần án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên được chấp nhận.

Đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại về việc sửa bản án sơ thẩm chỉ được chấp nhận một phần về đề nghị sửa tăng mức bồi thường chi phí điều trị thực tế cho bị hại.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Kháng cáo của bị hại được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lê Thị P1. Sửa phần trách nhiệm dân sự về mức bồi thường chi phí điều trị thực tế của Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Anh Q1.

[2] Căn cứ vào khoản 1 điều 134, điểm b, i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh Q1 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Anh Q1 phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Giao bị cáo Nguyễn Anh Q1 cho Ủy ban nhân dân xã Hà T, thị xã P, tỉnh P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo Q1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Anh Q1 thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã Hà T, thị xã P, tỉnh P có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q1 có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị Lê Thị P1 tổng số tiền là 58.170.000đ (Năm mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) gồm các khoản:

- Tiền thuê xe cấp cứu chuyển tuyến đưa đi và về 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- Tiền chi phí trong quá trình nhập viện và điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã P và Bệnh viện đa khoa tỉnh P 13.520.000đ (Mười ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tiền mất thu nhập trong 14 ngày 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tiền công người chăm sóc 09 ngày 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

- Tiền phục hồi sức khỏe 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Tiền bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại tại phiên tòa phúc thẩm 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P ngày 23/11/2021.

Bị cáo Nguyễn Văn Q1 còn phải bồi thường cho bị hại chị Lê Thị P1 tổng số tiền là 48.170.000đ (Bốn mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị P1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Anh Q1 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.908.000đ (Một triệu chín trăm linh tám

ngàn đồng) án phí dân sự trong án hình sự, tổng là 2.108.000đ (Hai triệu một trăm linh tám ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- STP tỉnh P;
- Phòng PC01 CA tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- TAND thị xã P;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND xã Hà T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Việt